

KẾT LUẬN THANH TRA

**Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; công tác quản lý, sử dụng thuốc,
hóa chất, vắc xin, thiết bị y tế tại Phòng khám Đa khoa Đức Linh**

Thực hiện Quyết định thanh tra số 122/QĐ-TTr ngày 30/3/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong khám bệnh, chữa bệnh (KBCB); khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (KBCB BHYT); công tác quản lý sử dụng thuốc, hóa chất, vắc xin và thiết bị y tế tại các cơ sở thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở Y tế, từ ngày 16/4/2026 đến ngày 11/6/2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Phòng khám Đa khoa Đức Linh.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTT ngày 08/7/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra, báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra số 161/BC-NV2 ngày 24/7/2026 của Phòng Giám sát, thẩm định và xử lý kết quả sau thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Phòng khám Đa khoa Đức Linh (sau đây gọi là Phòng khám) thuộc Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Đức Linh; có địa chỉ 483A Lê Duẩn, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Phòng khám được Sở Y tế tỉnh Quảng Trị cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh với hình thức tổ chức là phòng khám đa khoa, phạm vi hoạt động chuyên môn gồm các chuyên khoa: Nội, Ngoại, Nhi và Bộ phận Cận lâm sàng (Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh). Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật là Bác sĩ chuyên khoa II Nguyễn Văn Dân, Giấy phép hành nghề số 000122/QT-CCHN do Sở Y tế Quảng Trị cấp ngày 04/3/2013. Phòng khám được Sở Y tế phê duyệt thực hiện 313 danh mục kỹ thuật.

Trên cơ sở danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt, Phòng khám triển khai thực hiện các dịch vụ kỹ thuật theo phạm vi được cấp phép, xây dựng quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và niêm yết công khai giá dịch vụ KBCB để người bệnh biết và lựa chọn. Phòng khám được xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp KBCB ban đầu.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc chấp hành các quy định về thủ tục pháp lý, nhân sự, cơ sở vật chất, Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC và CNCH)

Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Đức Linh được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3200510074, đăng ký lần đầu ngày 05/8/2011, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 19/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12/11/2019¹, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/7/2025²; được Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh ngày 03/01/2026, mã số chi nhánh: 3200510074-001; được Sở Y tế tỉnh Quảng Trị (cũ) cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02/SYT-GPHĐ ngày 30/11/2012; cấp lại Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02/QT-GPHĐ ngày 10/12/2019³; được Sở Y tế tỉnh Quảng Trị cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02/QT-GPHĐ ngày 28/7/2025.

Cơ cấu tổ chức của Phòng khám gồm 01 Giám đốc đồng thời là người chịu trách nhiệm chuyên môn, kỹ thuật của Phòng khám; 01 Phó Giám đốc và các bộ phận chuyên môn, gồm: bộ phận lâm sàng⁴, bộ phận cận lâm sàng⁵ và bộ phận Dược. Phòng khám có 28 nhân sự; trong đó có 24 người đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh⁶ và 04 nhân sự khác⁷. Hồ sơ nhân sự chưa cập nhật thường xuyên, lưu trữ chưa khoa học.

Phòng khám có đủ phòng và đảm bảo diện tích cho các bộ phận chuyên môn⁸. Các bộ phận chuyên môn đều được bố trí nhân sự phụ trách.

Phòng khám đã xây dựng và thực hiện phương án PCCC và CNCH; đồng thời thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH theo quy định.

2. Việc thực hiện chính sách, pháp luật khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

2.1. Về Hợp đồng khám bệnh chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT)

Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Đức Linh ký hợp đồng với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Trị và triển khai khám bệnh, chữa bệnh

¹ do thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

² do sau nhập tỉnh địa điểm cũ nhưng địa danh mới (thay đổi);

³ do thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

⁴ Phòng khám Nội, Phòng khám Ngoại, Phòng khám Nhi.

⁵ Phòng Chẩn đoán hình ảnh, Bộ phận Xét nghiệm.

⁶ gồm: 08 bác sĩ, 05 điều dưỡng, 04 dược sĩ, 02 hộ sinh và 05 nhân viên xét nghiệm.

⁷ gồm 02 nhân viên tổ chức, 01 kế toán và 01 lễ tân.

⁸ tại tầng 1 căn nhà có địa chỉ số 483A Lê Duẩn phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị và tầng 1 căn nhà tại thửa đất số 271.

BHYT tại Phòng khám Đa khoa Đức Linh từ ngày 12/12/2012 cho đến nay. Năm 2025 và quý I/2026⁹, phòng khám đã ký kết, điều chỉnh và thực hiện liên tục các hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT với cơ quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, hai bên cơ bản thực hiện theo các điều khoản đã ký kết. Hằng quý, cơ quan BHXH giám định chi phí khám bệnh chữa bệnh bảo hiểm y tế (KBCB BHYT) mà đơn vị đề nghị thanh toán. Những chi phí không đúng đã được cơ quan BHXH từ chối thanh toán tại kỳ quyết toán.

2.2. Về tạm ứng kinh phí khám bệnh, chữa bệnh và thanh, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

Trong quý I và quý II năm 2025, cơ quan BHXH thực hiện việc tạm ứng một lần 80% trên cơ sở số liệu báo cáo đề nghị quyết toán quý trước liền kề của đơn vị theo quy định của Luật BHYT sửa đổi năm 2014. Quý III và quý IV năm 2025, cơ quan BHXH thực hiện việc tạm ứng một lần 90% trên cơ sở số liệu báo cáo đề nghị quyết toán quý trước liền kề của đơn vị theo quy định của Luật BHYT sửa đổi năm 2024. Việc chuyển tạm ứng kinh phí KBCB BHYT hằng quý thực hiện đúng thời gian, đúng tỷ lệ tạm ứng kinh phí KBCB BHYT theo quy định của Luật BHYT (*Số liệu chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm*).

2.3. Về thanh toán chi phí vượt dự kiến chi năm 2025

Năm 2025, số dự kiến chi KBCB BHYT được BHXH tỉnh phân bổ cho phòng khám là 3.490.602.250 đồng, Phòng khám Đa khoa Đức Linh đề nghị thanh quyết toán 3.643.970.288 đồng, số chi phí BHXH giám định và chấp nhận thanh toán 3.601.831.727 đồng, vượt dự kiến chi 111.229.477 đồng. Phòng khám đã có Tờ trình số 07/TTr-ĐL ngày 14/3/2026 giải trình nguyên nhân vượt

⁹ Ngày 30/12/2024, BHXH tỉnh Quảng Trị và Công ty Cổ phần phòng khám Đa khoa Đức Linh ký Hợp đồng KBCB BHYT năm 2025 theo mẫu 07 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ (Số 02/HĐKCB-BHYT).

Ngày 01/6/2025, BHXH Khu vực XVI (Quảng Bình - Quảng Trị) và Công ty Cổ phần phòng khám Đa khoa Đức Linh ký Hợp đồng KBCB BHYT năm 2025 theo mẫu 07 của Nghị định 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ (Số 53/HĐKCB-BHYT). Theo đó, bên A và bên B tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 02/HĐKCB-BHYT đã ký ngày 30/12/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 02.1/PLHĐKCB-BHYT đã ký ngày 03/01/2025.

Ngày 20/7/2025, BHXH tỉnh Quảng Trị và Công ty Cổ phần phòng khám Đa khoa Đức Linh ký Phụ lục Hợp đồng KBCB BHYT năm 2025 theo mẫu 05 của Nghị định 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. Theo đó, thay đổi tên bên A từ BHXH Khu vực XVI thành BHXH tỉnh Quảng Trị; bên B thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm, từ phường Đông Lương tỉnh Quảng Trị đổi thành phường Nam Đông Hà tỉnh Quảng Trị.

Ngày 31/12/2025, BHXH cơ sở Đông Hà và Công ty Cổ phần phòng khám Đa khoa Đức Linh ký Hợp đồng KBCB BHYT năm 2026 theo mẫu 05 của NĐ 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ (Số 01/HĐKCB-BHYT).

dự kiến chi năm 2025¹⁰. Đến thời điểm thanh tra, BHXH tỉnh và Sở Y tế đã tiến hành rà soát, thẩm định, xác định chi phí vượt dự kiến chi KBCB BHYT được quỹ BHYT thanh toán năm 2025 số tiền 107.868.357 đồng. Việc thanh toán chi phí vượt dự kiến chi KBCB BHYT năm 2025 sẽ được thực hiện trước ngày 01/10/2026 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 32 Luật BHYT sửa đổi năm 2024. Năm 2026, số dự kiến chi KBCB BHYT được BHXH tỉnh phân bổ cho phòng khám là 3.470.000.000 đồng. Quý I/2026, BHXH thực hiện việc tạm ứng một lần 90% (Quý IV/2025) là 861.000.000 đồng; Phòng khám Đa khoa Đức Linh đề nghị thanh quyết toán là 845.257.197 đồng.

2.4. Về từ chối thanh toán chi phí KBCB BHYT

Năm 2025, cơ quan BHXH từ chối thanh toán chi phí KBCB BHYT tại cơ sở là 42.160.622 đồng. Đối với toàn bộ chi phí từ chối thanh toán, Phòng khám đã chấp nhận kết quả giám định của cơ quan BHXH. Quý I/2026, phòng khám đề nghị thanh toán chi phí KBCB BHYT số tiền 845.257.197 đồng.

Một số nguyên nhân cơ quan BHXH từ chối thanh toán gồm:

- Về thuốc: Việc cập nhật các quy định mới chưa kịp thời dẫn đến chỉ định thuốc ngoài giới hạn thanh toán của Bộ Y tế.
- Về Dịch vụ kỹ thuật (DVKT): Thời gian trả kết quả DVKT cận lâm sàng (Xét nghiệm, chụp Xquang, siêu âm...) sau thời gian bệnh nhân ra viện, chưa phù hợp với quy định tại điểm 2.6 khoản 2 Điều 21 Quyết định số 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2022 của BHXH Việt Nam. Nhân viên phòng khám nghỉ ốm vẫn phát sinh chi phí KBCB trên hệ thống. Một số nhân viên y tế chưa thành thạo trong việc thao tác trên phần mềm HIS dẫn đến việc nhầm lẫn giữa các tài khoản của các bác sĩ (*Số liệu chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

2.5. Về tỷ trọng các nhóm chi phí KBCB BHYT

Năm 2025, tổng số lượt khám BHYT là 21.091 lượt. Trong đó số lượt khám của bệnh nhân KBCB ban đầu là 2.491 lượt (chiếm 11,8%), bệnh nhân đa tuyến đến là 18.600 lượt (chiếm 88,2%).

Tỷ trọng chi phí mà Phòng khám đã thực hiện năm 2025 như sau: Các dịch vụ kỹ thuật (DVKT) cận lâm sàng thực hiện tại cơ sở, các kỹ thuật xét nghiệm chiếm 27,55%; chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng chiếm 23,5%; tiền phẫu thuật, thủ thuật chiếm 4,15%; Chi phí thuốc, dịch truyền chiếm 23,96%; số tiền khám bệnh chiếm 20,84%.

¹⁰ Về việc đề nghị thanh toán theo hướng dẫn tại Quyết định số 582/QĐ-BYT ngày 09/3/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu hướng dẫn lập dự kiến chi, điều chỉnh dự kiến chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và việc xác định số chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế vượt dự kiến chi được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán.

Quý I/2026, tổng số lượt khám BHYT là 4.798 lượt. Tỷ trọng chi phí mà Phòng khám đã thực hiện Quý I/2026 như sau: Các dịch vụ kỹ thuật cận lâm sàng thực hiện tại cơ sở, các kỹ thuật xét nghiệm chiếm 28,72%; Số tiền dịch vụ kỹ thuật (Chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng) 20,58%; tiền phẫu thuật, thủ thuật chiếm 4,08%; Chi phí thuốc, dịch truyền chiếm 26,12%; số tiền khám bệnh chiếm 20,5% (Bảng 2, phụ lục 1 kèm theo).

2.6. Việc cung ứng thuốc, hóa chất để thực hiện dịch vụ kỹ thuật (DVKT)

Đối chiếu số lượng mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm để thực hiện các DVKT¹¹ có chi phí thanh toán quỹ BHYT nhiều nhất trong Quý III/2025 với bảng cân đối nhập - xuất - tồn và hóa đơn tài chính cho thấy số liệu phù hợp.

Đối chiếu hóa đơn mua 05 loại thuốc¹² có chi phí thanh toán quỹ BHYT nhiều nhất trong Quý II/2025 với bảng cân đối nhập - xuất - tồn và hóa đơn tài chính, kết quả cho thấy số liệu phù hợp. Việc mua sắm các thuốc nêu trên để phục vụ KBCB BHYT trong Quý II/2025 được Phòng khám thực hiện trên cơ sở áp dụng kết quả đấu thầu tập trung tại Sở Y tế tỉnh Quảng Trị; số lượng thuốc mua phù hợp với hóa đơn tài chính.

2.7. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong khám bệnh chữa bệnh BHYT

Phòng khám đã ứng dụng công nghệ thông tin 100% ngay từ khâu đón tiếp người bệnh và tra cứu thẻ BHYT bằng thẻ căn cước công dân gắn chip hoặc ứng dụng VSSID của cơ quan BHXH. Việc chỉ định thực hiện cận lâm sàng, thủ thuật, kê đơn thuốc, cấp phát thuốc, sử dụng vật tư tiêu hao, thanh toán thông qua phần mềm HIS của VNPT cung cấp.

Công tác quản lý và trích chuyển dữ liệu trong KBCB theo Quyết định số 3176/QĐ-BYT ngày 29/10/2024 của Bộ Y tế¹³. Thời điểm trích chuyển và phân hồi dữ liệu điện tử để phục vụ quản lý KBCB BHYT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2017/TT-BYT. Việc mã hóa, ánh xạ các dịch vụ y tế (DVKT, thuốc,...) đưa lên cổng tiếp nhận của Hệ thống thông tin giám định BHYT của BHXH Việt Nam theo quy định, đáp ứng yêu cầu về giám định và thanh toán chi phí KBCB BHYT.

¹¹ hóa chất xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu, Định lượng Triglycerid, Định lượng Cholesterol toàn phần, Định lượng Glucose máu

¹² Gelactive Fort, DH-Metglu XR 1000, Glimepiride Stella 4 mg, Lovastatin 20mg, Methylprednisolon 4mg

¹³ về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2023 quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

3. Việc thực hiện chính sách, pháp luật khám bệnh, chữa bệnh

3.1. Về khám bệnh, chữa bệnh

Năm 2025: tổng số lượt khám bệnh ngoại trú là 21.652 lượt. Quý I/2026: tổng số lượt khám bệnh ngoại trú là 5.084 lượt.

Năm 2025: Thực hiện 759 lượt thủ thuật, tỷ lệ 3,5%. Quý I/2026: Thực hiện 151 lượt thủ thuật, tỷ lệ 3%. Các thủ thuật phòng khám thực hiện chủ yếu là thủ thuật ngoại khoa loại 3 theo quy định được Sở Y tế phê duyệt.

Năm 2025: có 331 lượt bệnh nhân chuyển tuyến/tổng lượt khám 21.091; tỷ lệ là 1,6%. Quý I 2026: có 87 lượt bệnh nhân chuyển tuyến/tổng lượt khám 4.798; tỷ lệ là 1,8%.

Phòng khám đã xây dựng quy chế chuyên môn; ban hành 255 quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế¹⁴. Phòng khám thực hiện nghiêm yết công khai giá các dịch vụ kỹ thuật theo quy định.

Phòng khám đã thực hiện việc lập bảng kê chi phí khám bệnh, kê đơn thuốc trên phần mềm. Bố trí phòng riêng biệt để bảo quản lưu trữ hồ sơ và sắp xếp khoa học, có bố trí giá kê, tài liệu sắp xếp, lưu trữ theo ngày, tháng, đánh số thứ tự đúng quy định.

Phòng khám đã thành lập Hội đồng thuốc và điều trị¹⁵; xây dựng quy trình cấp phát thuốc, bán thuốc phục vụ công tác cấp phát thuốc ngoại trú. Đơn thuốc và thuốc chỉ định cho người bệnh phù hợp với chẩn đoán. Bác sĩ kê đơn thuốc có giấy phép hành nghề; chưa phát hiện có đơn thuốc kê thực phẩm chức năng, mỹ phẩm hay các chất không có tác dụng phòng, chữa bệnh. Bố trí hộp thuốc cấp cứu phản vệ có đủ số lượng, chủng loại, các thuốc, vật tư y tế còn hạn sử dụng đảm bảo theo quy định tại Điều 5 Thông tư 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

Một số bệnh án ngoại trú chỉ định thuốc điều trị không thường xuyên. Phần khám bệnh còn thiếu cập nhật tiền sử bệnh nhân, chẩn đoán khi ra viện. Thủ tục hành chính tại mục thông tin chủ quản của các biểu mẫu điều ghi “Sở Y tế” là chưa đúng (*Phòng khám đa khoa Đức Linh là đơn vị thuộc Công ty Cổ phần phòng khám đa khoa Đức Linh*). Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh

¹⁴ Gồm các lĩnh vực Nội khoa chuyên ngành hô hấp, Ngoại khoa tổng hợp- Chuyên khoa nắn chỉnh hình- bó bột, Chẩn đoán hình ảnh và điện quang, Thăm dò chức năng; Quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa Sinh, Vi sinh, Huyết học-Truyền máu; Quy trình xét nghiệm; Quy trình tiếp đón bệnh nhân; Quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn.

¹⁵ Hội đồng thuốc và điều trị được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-PK/2024 ngày 05/12/2024 của Phòng khám Đa khoa Đức Linh.

năm 2025 thực hiện chưa đầy đủ theo biểu mẫu quy định tại Quyết định 6556/QĐ-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ Y tế.

Một số đơn thuốc ngoại trú cài đặt phần mềm còn thiếu các thông tin về hàm lượng, liều dùng, cách dùng, thời gian dùng thuốc điều trị, số điện thoại liên hệ, họ tên bố/mẹ hoặc người đưa trẻ đến khám theo Phụ lục 1 Thông tư số 04/2022/TT-BYT.

Việc chuyển người bệnh giữa các cơ sở KBCB được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BYT quy định việc chuyển tuyến giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản liên quan.

3.2. Việc phê duyệt và thực hiện Danh mục kỹ thuật (DMKT)

Phòng khám Đa khoa Đức Linh được Sở Y tế phê duyệt tổng số 313 DMKT¹⁶. Phòng khám thực hiện 255/313 DMKT KBCB được phê duyệt. Hiện tại phòng khám không thực hiện các DMKT đã được Sở Y tế phê duyệt bao gồm Răng Hàm Mặt, Ung bướu, Phụ sản, Ngoại khoa tiết niệu- Sinh dục, Tạo hình thẩm mỹ do không có nhân sự, cơ sở vật chất, các thiết bị y tế để thực hiện DMKT theo quy định tại Điểm c Khoản 4, Điều 40 và Điều 42 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

3.3. Công tác xét nghiệm

Phòng khám có bản công bố phòng xét nghiệm đạt chuẩn an toàn sinh học cấp I ngày 03/7/2019 được Sở Y tế Quảng Trị (cũ) tiếp nhận công bố. Ngày 28/5/2026 Sở Y tế tỉnh Quảng Trị có Thông báo số 3087/TB-SYT ngày 28/5/2026 về việc Thông báo danh sách cơ sở công bố đủ điều kiện An toàn sinh học cấp II trên trang thông tin điện tử <https://sy.t.quangtri.gov.vn/> của Sở Y tế¹⁷.

Phòng xét nghiệm có biển báo nguy hiểm, quy định ra vào phòng xét nghiệm, bàn tiếp nhận mẫu, khu vực rửa tay, hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng; Thiết bị xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm.

¹⁶ Sở Y tế phê duyệt phòng khám với tổng số 313 danh mục kỹ thuật tại các quyết định số 755/QĐ-SYT ngày 25/08/2014 (258 Kỹ thuật); Quyết định số 1585/QĐ-SYT ngày 13/11/2020 (12 Kỹ thuật); Quyết định số 5785/QĐ-SYT ngày 15/12/2021 (10 Kỹ thuật). Quyết định số 241/QĐ-SYT ngày 13/4/2023 (33 Kỹ thuật).

¹⁷ Về danh sách các cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.

Phòng khám đã xây dựng, ban hành đầy đủ các quy trình chuyên môn phục vụ hoạt động xét nghiệm theo quy định¹⁸. Các thiết bị xét nghiệm được theo dõi hoạt động hằng ngày. Việc nội kiểm được thực hiện trước khi phân tích mẫu bệnh phẩm, có ghi chép kết quả, phiếu nội kiểm và báo cáo tổng hợp nội kiểm theo quy định.

Phòng khám chưa triển khai việc ngoại kiểm xét nghiệm theo quy định tại Nghị định 103/2016/NĐ-CP; Thông tư 37/2017/TT-BYT và Thông tư 01/2013/TT-BYT.

3.4. Về xử lý chất thải y tế và Kiểm soát nhiễm khuẩn

Phòng khám đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế với đơn vị¹⁹ có chức năng theo quy định của pháp luật. Chất thải y tế được phân loại, thu gom theo từng nhóm; chất thải lây nhiễm được thu gom từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tối thiểu một lần/ngày. Khu vực lưu giữ chất thải y tế được bố trí riêng, có biển cảnh báo, mái che và trang bị thiết bị bảo quản lạnh để lưu giữ chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Nước thải y tế được phòng khám thu gom, khử khuẩn bằng hóa chất và xử lý theo hệ thống có công suất đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động KBCB của cơ sở. Nhật ký vận hành, xử lý nước thải y tế được lưu giữ tại phòng khám theo quy định.

Phòng khám thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm về công tác quản lý chất thải y tế; lưu giữ hồ sơ quản lý chất thải y tế, sổ giao nhận chất thải y tế và theo dõi khối lượng chất thải lây nhiễm sắc nhọn, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Phòng khám đã thành lập Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn và bố trí nhân sự thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn theo quy định²⁰. Cơ cấu tổ chức, nhân lực của Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản phù hợp với quy mô hoạt động và yêu cầu thực tế. Phòng khám đã xây dựng, triển khai thực hiện các quy định,

¹⁸ Gồm: quy trình thực hành chuẩn đối với kỹ thuật hóa sinh, kỹ thuật huyết học, kỹ thuật vi sinh; quy trình lấy mẫu, bảo quản mẫu, lưu mẫu và hủy mẫu, khử nhiễm, xử lý chất thải y tế, đánh giá, phòng ngừa và xử lý sự cố an toàn sinh học.

¹⁹ Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị tại Hợp đồng số 279/HĐXLR-BVĐK ngày 02/01/2025; Hợp đồng với Công ty TNHH Môi Trường Sông Công tại Hợp đồng số 0211/2026/HĐ/MTSC-PKĐL ngày 23/02/2026 và Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa tỉnh tại Hợp đồng số 226/HĐXLR-BVĐK ngày 08/6/2026.

²⁰ Phòng khám đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-PK/2024 ngày 05/12/2024 về việc thành lập Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn kèm theo phân công nhiệm vụ và bố trí nhân sự thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn tại phòng khám theo quy định tại Điều 18 Thông tư 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

quy trình chuyên môn về kiểm soát nhiễm khuẩn; trang bị dung dịch sát khuẩn tay nhanh, phương tiện phòng hộ cá nhân và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong quá trình KBCB. Việc quản lý, sử dụng trang thiết bị phục vụ công tác kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản được thực hiện theo quy định.

Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong quá trình thực hiện các kỹ thuật xâm lấn chưa thường xuyên, chưa đảm bảo yêu cầu duy trì theo quy định tại Điều 5 Thông tư 16/2018/TT-BYT.

3.5. Việc thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng thuốc, hóa chất, vắc xin:

Hàng năm, Phòng khám xây dựng danh mục thuốc sử dụng trong KBCB BHYT và gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội làm căn cứ thanh toán chi phí KBCB BHYT theo quy định²¹.

Việc lựa chọn nhà thầu, mua sắm thuốc KBCB BHYT và đề nghị thanh toán chi phí thuốc BHYT được thực hiện theo quy định của pháp luật. Hồ sơ mua sắm thuốc có đầy đủ hợp đồng, chứng từ và hóa đơn theo quy định.

Tổng tiền mua thuốc KBCB các năm:

- Năm 2025: 402.064.982 đồng, gồm 106 loại thuốc tân dược.
- Quý I/2026: 61.381.160 đồng, gồm 22 loại thuốc tân dược.

Phòng khám có theo dõi, ghi chép sổ khi nhập thuốc và theo dõi trên máy tính; bố trí khu vực cấp phát thuốc BHYT riêng; trang bị phương tiện duy trì điều kiện bảo quản thuốc thông thường. Phân công cán bộ có trình độ phù hợp để theo dõi, quản lý các thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại tủ thuốc cấp cứu. Phân công dược sĩ phụ trách và xây dựng kế hoạch hoạt động được lâm sàng; có hồ sơ theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR), báo cáo về Trung tâm Cảnh giác dược. Đối với thuốc phải kiểm soát đặc biệt, cơ sở có danh mục, mở sổ theo dõi nhập - xuất - tồn, bảo quản, cấp phát, sử dụng và hủy thuốc phải kiểm soát đặc biệt; việc quản lý thuốc hỏng, thuốc hết hạn, thuốc thu hồi; truy xuất nguồn gốc thuốc; ứng dụng phần mềm quản lý kho và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về thuốc, hóa chất được triển khai theo quy định..

Một số đơn thuốc ngoại trú còn kê đơn chưa đầy đủ thông tin theo quy định, thiếu một trong các nội dung như: hàm lượng, liều dùng, cách dùng hoặc thời gian sử dụng thuốc.

3.6. Về quản lý, sử dụng thiết bị y tế

²¹ Việc xây dựng Danh mục thuốc khám bệnh, chữa bệnh BHYT được thực hiện theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Phòng khám đã có quyết định phân công nhiệm vụ quản lý thiết bị y tế cho nhân viên y tế để theo dõi, bảo quản theo quy định. Hồ sơ thiết bị y tế được quản lý, bảo quản dễ tra cứu. Việc mua sắm thiết bị y tế của Phòng khám được thực hiện thông qua việc ký hợp đồng mua sắm với các cơ sở đã công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D.

Các thiết bị y tế được mua sau khi Nghị định 36/2016/NĐ-CP và Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế có hiệu lực đều có đầy đủ hợp đồng, hóa đơn, CO, CQ, giấy phép lưu hành theo quy định. Việc kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định tại Thông tư 03/2024/TT-BKHCN ngày 15/4/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Các thiết bị đang sử dụng có mã hiệu, số seri, hãng sản xuất trùng khớp với hồ sơ lưu trữ.

3.7. Về an toàn bức xạ

Phòng khám đã được cấp giấy phép tiến hành bức xạ số (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) của Sở Khoa học và công nghệ Quảng Trị. Phòng khám đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ ngày 01/01/2025.

Máy chụp X-Quang được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Trị kiểm định và cấp giấy chứng nhận. Tại phòng chụp X-quang đã niêm yết nội quy an toàn bức xạ, có biển cảnh báo bức xạ, quy trình vận hành thiết bị bức xạ, nhân viên bức xạ đeo liều kế theo quy định tại Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Phòng khám có đầy đủ hồ sơ pháp lý, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất, nhân sự và các điều kiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cơ bản đáp ứng quy định. Người hành nghề được bố trí phù hợp với phạm vi hành nghề và hoạt động chuyên môn được phê duyệt.

Hoạt động KBCB và KBCB BHYT cơ bản được thực hiện theo quy định; có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, thanh toán và trích chuyển dữ liệu BHYT. Công tác quản lý thuốc, xét nghiệm, chất thải y tế, thiết bị y tế và an toàn bức xạ cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Về nhân sự:

Hồ sơ nhân sự chưa cập nhật thường xuyên, lưu trữ chưa khoa học.

2.2. Việc thực hiện chính sách, pháp luật khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

Cập nhật các quy định mới chưa kịp thời dẫn đến chỉ định thuốc ngoài giới hạn, phạm vi thanh toán của Bộ Y tế. Một số nhân viên y tế chưa thành thạo trong việc thao tác trên phần mềm HIS dẫn đến việc nhầm lẫn giữa các tài khoản của các bác sĩ.

2.3. Việc thực hiện chính sách, pháp luật khám bệnh, chữa bệnh

Trong một số hồ sơ bệnh án ngoại trú, bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh năm 2025 thực hiện chưa đầy đủ theo biểu mẫu quy định tại Quyết định 6556/QĐ-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ Y tế.

Một số bệnh án ngoại trú chỉ định thuốc điều trị không thường xuyên. Phần khám bệnh còn thiếu cập nhật tiền sử bệnh nhân, chẩn đoán khi ra viện.

Thủ tục hành chính tại mục thông tin chủ quản của các biểu mẫu điều ghi “Sở Y tế” là chưa đúng.

Một số đơn thuốc ngoại trú cài đặt phần mềm còn thiếu các thông tin về hàm lượng, liều dùng, cách dùng, thời gian dùng thuốc điều trị, số điện thoại liên hệ, họ tên bố/mẹ hoặc người đưa trẻ đến khám theo Phụ lục 1 Thông tư số 04/2022/TT-BYT.

2.4. Việc phê duyệt và thực hiện Danh mục kỹ thuật

Tại thời điểm thanh tra, Phòng khám không triển khai thực hiện một số danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt thuộc các chuyên khoa Răng Hàm Mặt, Ung bướu, Phụ sản, Ngoại Tiết niệu - Sinh dục và Tạo hình thẩm mỹ do không còn bảo đảm các điều kiện về nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị y tế để thực hiện các kỹ thuật này theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 và Điều 42 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

2.5. Xử lý chất thải y tế và Kiểm soát nhiễm khuẩn

Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong quá trình thực hiện các kỹ thuật xâm lấn chưa được thực hiện thường xuyên, chưa bảo đảm yêu cầu theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6. Về mua sắm, quản lý, sử dụng thuốc

Một số đơn thuốc ngoại trú kê đơn thiếu một trong các thông tin về hàm lượng, liều dùng, cách dùng, thời gian dùng thuốc điều trị.

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn chuyên môn trong lĩnh vực KBCB, bảo hiểm y tế nhiều và thường xuyên sửa đổi, bổ sung; cần thời gian cập nhật vào quy trình nội bộ và phần mềm quản lý của các cơ sở.

Nguyên nhân chủ quan: Phòng khám chưa thường xuyên thực hiện tự kiểm tra, giám sát nội bộ; chưa kịp thời cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn chuyên môn về y tế; một số bộ phận chưa cập nhật biểu mẫu, đơn thuốc, danh mục kỹ thuật và dữ liệu thanh toán bảo hiểm y tế kịp thời; kỹ năng sử dụng phần mềm HIS của một số nhân viên còn hạn chế.

4. Trách nhiệm

Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là Giám đốc Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đức Linh, chịu trách nhiệm chung trong việc tổ chức, chỉ đạo, bảo đảm các điều kiện hoạt động của Phòng khám; khắc phục các tồn tại, hạn chế Đoàn thanh tra đã nêu ở trên để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đúng quy định.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Phòng khám chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức, quản lý, kiểm tra hoạt động chuyên môn; kiểm soát việc thực hiện quy trình chuyên môn, kê đơn thuốc, sử dụng biểu mẫu, thực hiện danh mục kỹ thuật và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Người phụ trách bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm đối với các tồn tại thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách gồm phòng khám Nội, phòng khám Ngoại, bộ phận bảo hiểm y tế, bộ phận kiểm soát nhiễm khuẩn.

Người hành nghề tham gia vào quá trình KBCB và nhân viên khác có liên quan chịu trách nhiệm, nhiệm vụ được phân công đối với các tồn tại nêu trên.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: Không

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Yêu cầu Phòng khám đa khoa Đức Linh

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hồ sơ nhân sự; phân loại, lưu trữ hồ sơ khoa học, thường xuyên cập nhật các tài liệu trong hồ sơ khi có sự thay đổi, bảo đảm thuận tiện cho công tác quản lý và thanh tra, kiểm tra.

- Chỉ thực hiện danh mục kỹ thuật khi bảo đảm đầy đủ điều kiện nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị y tế và phạm vi hoạt động chuyên môn được phê duyệt;

khẩn trương hoàn thiện thủ tục điều chỉnh giảm danh mục kỹ thuật không đủ điều kiện hoặc không còn thực hiện trên thực tế.

- Thực hiện đúng biểu mẫu chuyên môn, bảng kê chi phí khám bệnh, phiếu thủ thuật, phiếu trả kết quả xét nghiệm, quy trình kỹ thuật; ghi đúng đơn vị chủ quản và thông tin của cơ sở theo mô hình tổ chức thực tế.

- Chấn chỉnh việc kê đơn thuốc; bảo đảm quy chế kê đơn theo Thông tư số 04/2022/TT-BYT.

- Tổ chức rà soát toàn bộ nguyên nhân bị từ chối thanh toán bảo hiểm y tế năm 2025 để kịp thời chấn chỉnh khắc phục tránh tái diễn. Cập nhật đầy đủ quy định mới của Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm HIS, trích chuyển dữ liệu và khai thác Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định bảo hiểm y tế cho nhân viên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong quá trình thực hiện các kỹ thuật xâm lấn.

- Tiếp tục duy trì nội kiểm xét nghiệm theo quy định; quan tâm bố trí kinh phí và từng bước thực hiện ngoại kiểm xét nghiệm nhằm nâng cao chất lượng xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh.

- Tổ chức rút kinh nghiệm các cá nhân có liên quan đến các nội dung được nêu tại mục III.2 của Kết luận này và báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra tỉnh theo dõi, giám sát.

2. Đề nghị Sở Y tế tỉnh Quảng Trị

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm; đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về công tác KBCB và thực hiện chính sách KBCB BHYT tại các cơ sở KBCB trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở KBCB trên địa bàn về quy định mới trong lĩnh vực KBCB và KBCB BHYT.

3. Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Trị

- Phối hợp với Sở Y tế tập huấn, hướng dẫn các cơ sở KBCB BHYT trên địa bàn cập nhật quy định mới về thanh toán chi phí KBCB BHYT; cảnh báo các lỗi thường gặp trong chỉ định thuốc, dịch vụ kỹ thuật, nhập liệu và trích chuyển dữ liệu.

- Hướng dẫn phòng khám trong việc đối chiếu, giám định, phản hồi dữ liệu KBCB BHYT, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế và phòng ngừa các sai sót phát sinh.

4. Công khai Kết luận thanh tra

- Thanh tra tỉnh đăng tải công khai Kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025.

- Phòng khám đa khoa Đức Linh công khai Kết luận thanh tra bằng hình thức niêm yết tại phòng khám theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong khám bệnh, chữa bệnh; khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; công tác quản lý sử dụng thuốc, hóa chất, vắc xin và thiết bị y tế tại Phòng khám đa khoa Đức Linh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở Y tế. Yêu cầu Phòng khám thực hiện và báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận này. /.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ; Cục X;
 - UBND tỉnh;
 - Ban Nội chính Tỉnh ủy;
 - UBKT Tỉnh ủy;
 - Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
 - Sở Y tế;
 - BHXH tỉnh;
 - Phòng khám đa khoa Đức Linh;
 - Phòng GS, TĐ và XL sau thanh tra;
 - Trang TTĐT Thanh tra tỉnh;
 - Lưu: VT, VP, Hồ sơ Đoàn TT.
- (Báo cáo)
- (Phối hợp)

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Hoài Nam



Phụ lục 1. Thông tin chung tình hình KBCB BHYT tại cơ sở
Bảng 1: Số liệu chung liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh (KBCB)

Đơn vị tính: đồng.

STT	NỘI DUNG	Năm 2025	Quý I Năm 2026	Ghi chú
1.	Tổng số lượt KBCB	21.091	4.798	
	Tổng chi phí KBCB	3.694.076.067	854.326.406	
	Chi phí bình quân/lượt	175.149	178.058	
2.	Số thẻ KBCB BHYT ban đầu	3.500	2.000	
3.	Thông tin về tài chính			
	Số chi phí cơ sở đề nghị BHXH thanh toán	3.643.970.288	845.257.197	
	Số chi phí được cơ quan BHXH giám định và đồng ý thanh toán	3.601.831.727	Chưa quyết toán	
	Số chi phí đã được cơ quan BHXH thanh toán	3.488.000.000		
	Số tiền trong dự kiến chi chưa được cơ quan BHXH thanh toán	2.602.250		Cơ quan BHXH sẽ cân đối quyết toán bổ sung trong quý II/2026
	Số tiền chưa được cơ quan BHXH thanh toán	111.229.477		Vượt dự kiến chi 2025
	Số tiền vượt dự kiến chi năm 2025 đã được BHXH tỉnh và Sở Y tế rà soát, thẩm định, xác định đề nghị thanh toán	107.868.357		Thanh toán trước ngày 01/10/2026
4.	10 DVKT được thực hiện nhiều nhất tại cơ sở			
4.1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	284.272.500	64.510.500	
4.2	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	155.036.000	43.624.000	
4.3	Định lượng Glucose [Máu]	117.040.000	29.702.400	
4.4	Nội soi mũi xoang	39.440.000	16.560.000	
4.5	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	43.254.400	9.206.800	
4.6	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	131.712.000	35.140.000	
4.7	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	98.771.400	16.859.000	
4.8	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	71.687.400	16.785.700	
4.9	Siêu âm ổ bụng	172.987.200	23.098.800	
4.10	Điện tim thường	125.645.100	31.760.400	

**Bảng 2: Cơ cấu chi phí trong điều trị (ngoại trú).**

Số TT	NỘI DUNG	Năm 2025		Quý I/2026		Ghi chú
		Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %	
	Cơ cấu chi phí trong điều trị ngoại trú	3.694.076.067	100	854.326.406	100	
1.	Số tiền khám bệnh	769.602.500	20,84	175.127.000	20,5	
2.	Số tiền thuốc, dịch truyền	885.189.167	23,96	223.165.006	26,12	
3.	Số tiền dịch vụ kỹ thuật (CĐHA, TDCN)	868.032.200	23,5	175.862.500	20,58	
4.	Phẫu thuật, thủ thuật	153.389.300	4,15	34.815.100	4,08	
5	Số tiền cận lâm sàng (XN)	1.017.862.900	27,55	245.356.800	28,72	

**Bảng 3: Chi phí cận lâm sàng (CLS)***Đơn vị tính: đồng*

Số TT	NỘI DUNG	Năm 2025	Quý I/2026	Ghi chú
	Tổng số tiền chi phí CLS	1.756.178.700	389.425.300	
1	Số tiền chi phí xét nghiệm huyết học	284.272.500	64.510.500	
2	Số tiền chi phí xét nghiệm sinh hóa	730.985.500	180.812.700	
3	Số tiền chi phí đối với siêu âm	386.408.400	80.633.600	
4	Số tiền chi phí đối với chụp X-quang	354.512.300	63.468.500	



Phụ lục 2. Về tạm ứng và thanh toán chi phí KBCB BHYT hằng quý

Đơn vị: 1.000 đồng

Thời kỳ	Báo cáo cơ sở KBCB đề nghị thanh toán		Số BHXH giám định và chấp nhận thanh toán	Tạm ứng		Thanh toán		
	Thời gian	Số chi phí		Số tiền	Thời gian	Số tiền	Thời gian thanh toán	Thời gian hoàn thành
Năm 2025								
Quý I/2025	Trước ngày 5/quý	870.292,549	869.117,899	635.000	15/01/2025	234.000		30/5/2025
Quý II/2025	Trước ngày 5/quý	910.224,191	908.180,272	696.000	21/4/2025	215.000		04/9/2025
Quý III/2025	Trước ngày 5/quý	906.734,638	870.029,208	819.000	15/7/2025	0		
Quý IV/2025	Trước ngày 5/quý	956.718,910	954.504,348	816.000	15/10/2025	73.000		10/4/2026
Cộng năm 2025		3.643.970,288	3.601.831,727	2.966.000		522.000		
Năm 2026								
Quý I/2026	Trước ngày 5/quý	845.257,197	Chưa quyết toán	861.000				



Phụ lục 3. Về từ chối thanh toán chi phí KBCB BHYT năm 2025 và Quý I/2026

Đơn vị: đồng

Thời kỳ	Số từ chối thanh toán qua giám định trực tiếp		
	Tổng số chi phí BHXH từ chối thanh toán	Số CSKBCB chấp nhận	Số CSKBCB không chấp nhận
Năm 2025			
Quý I/2025	1.174.650	1.174.650	0
Quý II/2025	2.065.980	2.065.980	0
Quý III/2025	36.705.430	36.705.430	0
Quý IV/2025	2.214.562	2.214.562	0
Cộng năm 2025	42.160.622	42.160.622	0
Năm 2026			
Quý I/2026	Chưa quyết toán		
Thời kỳ	Số từ chối thanh toán qua giám định điện tử (nếu có)		
	Tổng số chi phí BHXH từ chối thanh toán	Số CSKBCB chấp nhận	Số CSKBCB không chấp nhận
Năm 2025			
Quý I/2025	0	0	0
Quý II/2025	4.500	4.500	0
Quý III/2025	0	0	0
Quý IV/2025	31.200	31.200	0
Cộng năm 2025	35.700	35.700	0
Năm 2026			
Quý I/2026	Chưa quyết toán		
Tổng cộng			

